TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 274/2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 04 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐINH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 258/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa:

** **Người yêu cầu**:*

Ông **Trần Văn H** - Sinh năm 1979.

Bà **Trương Thị Bích N** - Sinh năm 1979.

Cùng trú tại: Tổ 01, phường HC, quận HC, thành phố Đà Nẵng.

.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn H và bà Trương Thị Bích Ng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân**:* Ông Trần Văn H và bà Trương Thị Bích N thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- ***Về quan hệ con chung**:* Bà Trương Thị Bích N và ông Trần Văn H xác định vợ chồng có 02 con chung là: Trần Văn Q - Sinh ngày 17/12/2003 và Trần Tuấn A - Sinh ngày 31/10/2007. Ly hôn, bà Ng và ông H thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà Trương Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn Q và ông Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn A. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- ***Về quan hệ tài sản chung***: Bà Trương Thị Bích N và ông Trần Văn H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về quan hệ nợ chung***: Bà Trương Thị Bích N và ông Trần Văn H xác định vợ chồng có nợ chung .

- ***Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*** : 300.000 đồng ông Trần Văn H và bà Trương Thị Bích N mỗi người phải chịu một nửa, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003653 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Trương Thị Bích N và ông Trần Văn H đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường 4, Tp Tuy Hòa , Tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Đức Hoàng